

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-9-2022  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Đông và bà Trần Thúy Nga

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/QĐST/HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông Vy Quốc V, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số 61, Phố 2, Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

***Bị đơn:*** Bà Lương Thị K. Nơi cư trú: Số 61, Phố 2, Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

*(Ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà K vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn ông Vy Quốc V trình bày:*

***Về quan hệ hôn nhân:*** Ông V và bà K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, đến năm 1995 thì tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27-6-1995.

Đời sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Tính cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung 14 năm, tình cảm vợ chồng không còn, ông V đã cố gắng chịu đựng và tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay các con đều

đã trưởng thành, để ổn định đời sống riêng của mỗi bên, ông V yêu cầu được ly hôn với bà K.

*Về con:* Theo ông V, vợ chồng có 03 (ba) người con gồm Vy Kim L, sinh ngày 22-02-1991; Vy Danh P, sinh ngày 03-9-1994; Vy Danh H, sinh ngày 14-11-1999. Hiện nay, các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung:* Theo ông V, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Theo ông V, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên ông V đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

*Bị đơn bà Lương Thị K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bà K và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng ông V, bà K, kết quả xác minh như sau:

Bà K đăng ký hộ khẩu thường trú tại số xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và thường xuyên có mặt tại địa phương. Ông V và bà K là vợ chồng sinh sống tại địa phương, gần đây đời sống của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn được biết là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cá tính vợ chồng không hợp nhau. Ông V, bà K có 03 người con, hiện nay đều đã trưởng thành (Bút lục số 29-30).

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị cho ông V được ly hôn với bà K.  
*Về con:* Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Vy Quốc V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lương Thị K, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà K có nơi cư trú tại: Số 61, Phố 2, Ấp 3, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà K xác lập ngày 27-6-1995, thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú Túc, huyện Định Quán, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27-6-1995. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn ông V yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cá tính vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ khoảng 14 năm nay. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng ông V và bà K đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa ông V và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, thì yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà K là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn bà K, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, bà K không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với ông V.

[7] Về con: Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Ông V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vy Quốc V, về việc yêu cầu “Ly hôn” đối với bị đơn bà Lương Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vy Quốc V được ly hôn với bà Lương Thị K.

2. Về con: Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Vy Quốc V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông V đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003579 ngày 26-5-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Ông V đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Túc, huyện Định Quán (GCNKH số 44/1995, ngày 27-6-1995) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Phường**

